

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/DS-ST
Ngày: 31-7-2024
V/v: Tranh chấp hợp vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Trung

2. Ông Tạ Duy Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Kim Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp 3, xã Mỹ Phú, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An

Người đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Trung H, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số 08, Nguyễn Cửu Vân, phường 4, thành phố Tân An, tỉnh Long An (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 21/3/2024). (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Ngọc Đ, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp Đông Hòa, xã Thủy Đông, Huyện Th H, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Yêu cầu, ý kiến của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M do đại diện theo ủy quyền ông Huỳnh Trung H trình bày:

Ngày 15/10/2021 ông M có cho bà Lê Thị Ngọc Đ vay số tiền 300.000.000đ , khi vay bà Đ có ký giấy nợ cho ông M, thời hạn trả nợ là 15/04/2022 (06 tháng), lãi suất thỏa thuận bên ngoài là 2%/tháng. Quá trình vay nợ bà Đ chỉ trả cho ông M

3.000.000đ bằng hình thức chuyển khoản và thêm 15.000.000đ tiền lãi từ ngày 28/10/2022 đến ngày 18/12/2023. Nay đã quá hạn vay mà bà Đ không trả nợ mặc dù ông M đã nhiều lần yêu cầu nên ông M khởi kiện yêu cầu bà Đ phải trả nợ gốc là 300.000.000đ và tiền lãi theo giấy nợ ngày 15/10/2021 theo lãi suất pháp luật quy định và khấu trừ 18.000.000đ tiền lãi mà ông M đã nhận.

Bị đơn bà Lê Thị Ngọc Đ vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hải xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Ông M thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án tính lại phần tiền lãi trong hạn (06 tháng) với mức lãi suất là 0.83% trừ đi phần tiền lãi bà Đ đã đóng là 18.000.000đ; cụ thể:

$$300.000.000đ \times 0.83\% \times 06 \text{ tháng} = 14.940.000đ$$

18.000.000đ - 14.940.000đ = 3.060.000đ. Khấu trừ vào phần nợ gốc là 300.000.000đ thì bà Đ còn nợ ông M là 296.940.000đ và tính lãi quá hạn trên số nợ gốc này với lãi suất 0.83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có địa chỉ tại Huyện Th H, tỉnh Long An. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Huyện Th H.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn bà Lê Thị Ngọc Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê Thị Ngọc Đ phải trả số tiền còn nợ gốc đã trừ tiền lãi trong hạn còn là 296.940.000đ và tiền lãi chậm trả theo lãi suất quy định là 0,83%/tháng, chứng cứ ông M cung cấp là “Giấy mượn tiền” ngày 15/10/2021 vay có lãi, với mức lãi suất thỏa thuận bên ngoài là 2%/tháng có chữ ký của bà Lê Thị Ngọc Đ hện ngày 15/4/2022. Mục đích bà Đ vay để làm ăn. Bị đơn Điệp vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có văn bản trình bày yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên từ những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở giữa bà Đ và ông M xác lập hợp đồng vay tài sản có thời hạn với số tiền vay là 300.000.000đ sau khi cần trừ tiền lãi còn lại là 296.940.000đ.

Yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu bà Đ phải trả tiền lãi quá hạn với mức lãi suất là theo quy định pháp luật là 0,83%/tháng từ ngày 16/4/2022 đến khi xét xử

sơ thẩm. Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự, bên vay chưa trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu bên vay trả lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp, nên yêu cầu trả lãi của nguyên đơn ông M có căn cứ chấp nhận, cụ thể như sau:

- Số tiền vay 296.940.000đ, thời hạn trả là 15/4/2022 nên lãi chậm trả được tính từ ngày 16/4/2022 đến ngày xét xử 31/7/2024 là 27 tháng 15 ngày:

$$296.940.000đ \times 27 \text{ tháng} \times 0,83\%/tháng = 66.544.254đ$$

$$296.940.000 \times 15 \text{ ngày} \times 0,28\%/ngày = 1.247.148đ$$

$$\text{Tổng cộng gốc và lãi: } 296.940.000đ + 66.544.254 + 1.247.148 = 364.731.402đ$$

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 4 Điều 91; khoản 1 Điều 147; 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Lê Thị Ngọc Diệp có nghĩa vụ trả cho Nguyễn Văn M số tiền nợ gốc và lãi là 364.731.402đ (Ba trăm sáu mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi một nghìn bốn trăm lẻ hai đồng) phát sinh từ hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 .

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lê Thị Ngọc Đ phải có nghĩa vụ chịu 18.236.570đ (Mười tám triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước (Địa phương).

Ông Nguyễn Văn M không phải chịu phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003949 ngày 16/04/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND Huyện Th H;
- Chi cục THADS Huyện Th H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Lý

Nguyễn Văn Bé

Phạm Văn Thái